TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024 /DSPT
Ngày: 20/02/2024
V/v *Tranh chấp đòi lại tài sản quyền sử dụng đất*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Minh Trang**

Các Thẩm phán: Bà **Phan Thị Hồng Dung**

Bà **Nguyễn Thị Thuỳ Trang**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Ban** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần thơ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông **Nguyễn Văn Phi** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 368/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về "*Tranh chấp đòi lại tài sản quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 155/2023/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân quận Ninh Kiều.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2023/QĐPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

* <u>*Nguyên đơn*</u>: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số C H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

* <u>*Bị đơn*</u>:

1. Ông **Nguyễn Nhựt T**, sinh năm 1986

2. Bà **Vũ Thị L**, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Số B, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

3. Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số C H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

4. Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1963 (có mặt)

5. Cháu **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 2006

6. Cháu **Nguyễn Trí Q**, sinh năm 2021

Người đại diện theo pháp luật của cháu N và cháu Q – ông Nguyễn Nhựt T và bà Vũ Thị L. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số B, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:*** Vào ngày 30/11/2015 cha, mẹ ông là ông Nguyễn Văn H2 và bà Ngô Thị H3 tặng cho ông phần đất diện tích 3.504,60m^2, thuộc thửa số 90, tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại đường H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Quá trình sử dụng ông đã tặng cho lại nhiều người hiện phần đất trên còn lại 1.857,7m^2. Đến tháng 9/2022 Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã xét xử vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông và bà Nguyễn Thị H1 là mẹ của ông T, bà L. Tại Bản án sơ thẩm và phúc thẩm Tòa án đã xác định phần đất trên là của ông vẫn nằm trong giấy chứng nhận QSD đất của ông, đồng thời bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1 về việc đề nghị Tòa án công nhận QSD đất cho bà H1. Trong vụ án đã giải quyết ông chưa làm thủ tục phản tố buộc những người đang ở trên đất của ông di dời. Hiện nay, do có nhu cầu sử dụng nên ông khởi kiện buộc những người đang ở trên đất bao gồm Nguyễn Nhựt T, Vũ Thị L, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị H1, cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 2006, cháu Nguyễn Trí Q, sinh năm 2021 phải di dời đi nơi khác trả lại quyền sử dụng đất cho ông theo Trích đo địa chính số: 129/TTKTTNMT ngày 17/9/2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên Môi trường thành phố C. Khi di dời ông đồng ý hoàn lại giá trị nhà theo giá của Phòng Tài chính kế hoạch tại công văn số: 974/PTCKH ngày 6/6/2022 trong vụ án "Tranh chấp quyền sử dụng đất" giữa Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H1 với số tiền 92.536.900 đồng,

đồng thời cho lưu cư 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

**** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị H1 - bà Mã Thúy M trình bày*:** Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn di dời đi nơi khác trả lại quyền sử dụng đất của nguyên đơn do đây là phần đất của mẹ bà H1 cho bà H1 và đã sử dụng ổn định từ năm 2002 đến nay. Đồng thời không đồng ý nhận chi phí hỗ trợ di dời 92.536.900 đồng và đề nghị cho lưu cư 03 tháng của nguyên đơn.

**** Bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày*:** Thống nhất với ý kiến của bà H1. Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện buộc di dời của nguyên đơn và không đồng ý nhận hỗ trợ chi di dời 92.536.900 đồng, cũng như thời gian lưu cư.

**** Bị đơn ông Nguyễn Nhựt T và bà Vũ Thị L vắng mặt nên không rõ ý kiến.***

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 155/2023/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Nhựt T, bà Vũ Thị L, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị H1, cháu Nguyễn Thị Kim N, cháu Nguyễn Trí Q phải di dời đi nơi khác trả lại quyền sử dụng đất cho nguyên đơn theo Trích đo địa chính số 129/TTKTTNMT ngày 17/9/2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên Môi trường thành phố C.

+ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn hoàn lại giá trị nhà 92.536.900 đồng cho bị đơn. Sau khi thanh toán số tiền trên cho bị đơn, nguyên đơn có toàn quyền sở hữu đối với căn nhà trên đất.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn cho các bị đơn lưu cư tại phần đất địa chỉ số B, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ trong thời gian 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí định giá và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 09 tháng 8 năm 2023 bị đơn Nguyễn Thị H1 kháng cáo đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà cho rằng trước đây giữa các bên khi phát sinh tranh chấp, mẹ bà là bà H3 lúc sinh thời có trình bày là cho bà phần diện

tích ngang 4,7m, chỉ yêu cầu bà trả lại ngang 1,3m và sau đó chính nguyên đơn ông H cũng xác định cho bà sử dụng đất là 4,5m chạy dài hết đất nên đây là căn cứ bà không đồng ý việc khởi kiện của nguyên đơn đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu nguyên đơn khởi kiện, công nhận phần diện tích đất bà đã sử dụng từ năm 2002 đến nay theo diện tích bà H3 đã đồng ý cho bà.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P thống nhất với ý kiến bà H1.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

** Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:*

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo:

Phần đất tranh chấp có diện tích 169,3m^2 tại vị trí A, C theo Bản trích đo địa chính số 129 ngày 17/9/2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên Môi trường thành phố C đất tọa lạc tại đường H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Phần đất này có nguồn gốc là của cha mẹ của nguyên đơn và bị đơn. Ngày 30/11/2015, ông H2 và bà H3 tặng cho ông H phần đất diện tích 3.504,60m, thuộc thửa số 90. Ông H đã tặng cho lại nhiều người và sau đó ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1269 diện tích 226,9m, trong đó có phần đất gia đình bà H1 sử dụng.

Khi bà H3 còn sống bà cũng xác định không tặng cho phần đất tranh chấp cho bà H3, mà tặng cho ông H, bà chỉ cho bà H1 mượn để mở quán cà phê, bà cũng không hứa tặng cho bà H1 phần đất này.

Trước đây, giữa bà H1 và ông H xảy ra tranh chấp liên quan đến phần đất ông H yêu cầu trả. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 80/2023/DS-PT ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã tuyên xử: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H1. Như vậy, có đủ căn cứ xác định phần đất tranh chấp là của ông H được được cha mẹ tặng cho, nên ông H khởi kiện yêu cầu gia đình bà H1 trả lại phần đất tranh chấp là có căn cứ theo quy định tại Điều 166 BLDS năm 2015. Ngoài căn nhà trên đất tranh chấp thì gia đình bà H1 còn chỗ ở khác, nên gia đình bà H1 phải di dời trả lại phần đất tranh chấp và buộc ông H trả giá trị căn nhà trên đất cho gia đình bà H1 là phù hợp.

Đây là vụ án tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất, mặc dù chưa được tổ chức hòa giải tại UBND cấp xã, sai sót của cấp sơ thẩm chỉ cần rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu yêu cầu bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan di dời đi nơi khác, giao trả phần đất cho nguyên đơn. Quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp đòi lại tài sản quyền sử dụng đất" theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do ị đơn có địa chỉ tại quận N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự như án sơ thẩm nhận định là phù hợp

[2] Về thủ tục tố tụng:

Về xác định tư cách đương sự: Ngày 20/6/2023 ông Nguyễn Văn H có đơn khởi kiện bổ sung đối với ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị H1, cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 2006, cháu Nguyễn Trí Q, sinh năm 2021 yêu cầu di dời đi nơi khác trả lại phần đất cho nguyên đơn. Vì vậy, cấp sơ thẩm căn cứ khoản 3 Điều 68 Tòa án xác định lại tư cách tham gia tố tụng của ông P, bà H1, cháu Q, cháu N là bị đơn trong vụ án là phù hợp.

Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bị đơn ông Nguyễn Nhựt T, bà Vũ Thị L có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử Quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục hoà giải cơ sở: Đây là vụ án tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất, mặc dù chưa được tổ chức hòa giải tại UBND cấp xã, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là không đúng quy định tại Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Tuy nhiên, do đã có bản án phúc thẩm xác định phần đất tranh chấp không phải là của gia đình bà H1. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm

cũng không hòa giải được do một trong các bên không yêu cầu hòa giải. Nếu hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu địa phương hòa giải lại cũng không hòa giải được, như vậy sẽ mất thời gian, công sức, chi phí cho các bên. Nên sai sót của cấp sơ thẩm chỉ cần rút kinh nghiệm là phù hợp.

[3] *Về thủ tục hình thức kháng cáo*: Xét đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, bị đơn đã nộp tạm ứng kháng cáo nên được xem xét hợp lệ về mặt hình thức. Để xét kháng cáo, cần đánh giá khách quan toàn diện nội dung, cần thiết phải xem xét lại toàn bộ hồ sơ các bên đã thực hiện đối chiếu với quy định để đánh giá giải quyết các vấn đề liên quan đến việc chấp nhận hay không chấp nhận kháng cáo.

[4] Xét về nội dung:

[4.1] Nguồn gốc phần đất là các bên đều thừa nhận là của ông Nguyễn Văn H2 và bà Ngô Thị H3 là cha mẹ của ông H và bà H1. Phần đất tranh chấp có diện tích 169,3m^2 tại vị trí A, C theo Bản trích đo địa chính số 129/TTKTTNMT ngày 17/9/2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên Môi trường thành phố C (Trích đo 129), đất tọa lạc tại đường H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Ngày 30/11/2015, ông H2 và bà H3 tặng cho ông H phần đất diện tích 3.504,60m^2, thuộc thửa số 90. Ông H đã tặng cho lại nhiều người và sau đó được ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1269 diện tích 226,9m^2, trong đó có phần đất gia đình bà H1 sử dụng.

[4.2] Bà H1 kháng có cho rằng mẹ bà lúc sinh thời có xác định cho bà ngang 4,7m và đòi lại ngang 1,3m, cơ sở này bị đơn bà H1 đặt ra nhưng theo hồ sơ thể hiện bà H3 còn sống bà cũng xác định không tặng cho phần đất tranh chấp cho bà H1, mà tặng cho ông H, bà chỉ cho bà H1 mượn để mở quán cà phê, bà cũng không hứa tặng cho bà H1 phần đất này.

[4.3] Trước đây, giữa bà H1 và ông H xảy ra tranh chấp liên quan đến phần đất ông H yêu cầu trả. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 193/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và Bản án dân sự phúc thẩm số 80/2023/DS-PT ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã tuyên xử: "*không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H1 về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 169,3m^2 chiều ngang phía trước 6m, chiều ngang phía sau 6,30m, chiều dài hướng bắc 31,60m, chiều dài hướng nam là 28,40 m (tại phần A và phần C theo bản trích đo địa chính số 129/TTKTTNMT ngày 17/01/2019 của Trung tâm K), nằm trong thửa đất số 1269, tờ bản đồ số 34, diện tích 226,9m^2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CS15681 do Ủy ban*

nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 28/6/2018 cho ông Nguyễn Văn H”. Đồng thời, căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN271580, số vào sổ cấp GCN: CS15681 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp cho ông Nguyễn Văn H ngày 26/8/2018 thể hiện ông Nguyễn Văn H là chủ sử dụng phần diện tích đất các bị đơn đang sinh sống.

[4.4] Như vậy, có đủ căn cứ xác định phần đất tranh chấp là của ông H được được cha mẹ tặng cho, bản án phúc thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của bà H1 yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 169,3m^2 (tại vị trí A, C theo Trích đo 129). Nên ông H khởi kiện yêu cầu gia đình bà H1 trả lại phần đất tranh chấp là có căn cứ theo quy định tại Điều 166 BLDS năm 2015.

[4.5] Bà H1 cò dựa vào Biên bản hoà giải ngày 16/3/2018 tại hoà giải khu vực giữa bà H3 và ông H để cho rằng để cho rằng ông Hoà đồng ý cho bà diện tích đất ngang 4,5m dài 30m. Thấy rằng trình bày của bà H1 là chưa đủ căn cứ, văn bản hòa giải này không có sự tham gia của bà H1 và giải quyết tranh chấp tại cơ sở của ông H với bà H1, nên kháng cáo bà H1 đặt ra là không có cơ sở để xem xét.

[4.6] Ngoài căn nhà trên đất tranh chấp thì gia đình bà H1 còn chỗ ở khác, nên gia đình bà H1 trả đất cho ông H và buộc ông H trả giá trị căn nhà trên đất là có cơ sở.

[5] Án sơ thẩm xác định nguyên đơn đề nghị áp dụng giá trị tài sản được xác định tại Công văn số: 974/PTCKH ngày 06/6/2022 Phòng Tài chính kế hoạch quận N trong vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H1. Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã giải thích việc định giá tài sản để làm cơ sở để xác định mức bồi thường, tuy nhiên các đương sự không có yêu cầu định giá tài sản. Mặc dù giá trị nhà của bị đơn được xác định từ năm 2022 đến nay có sự giảm sút giá trị, tuy nhiên hiện tại nguyên đơn vẫn giữ nguyên mức hỗ trợ như ban đầu, nhận thấy việc áp dụng mức giá trên là có lợi cho bị đơn và có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra, Bản án ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn cho các bị đơn được lưu cư trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[6] Từ những phân tích cụ thể nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Những phần khác của bản án sơ thẩm do không có kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên đề nghị của Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm*:* Bị đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Nhựt T, bà Vũ Thị L, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị H1, cháu Nguyễn Thị Kim N, cháu Nguyễn Trí Q phải di dời đi nơi khác trả lại quyền sử dụng đất cho nguyên đơn theo Trích đo địa chính số 129/TTKTTNMT ngày 17/9/2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên Môi trường thành phố C.

+ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn hoàn lại giá trị nhà 92.536.900 đồng cho bị đơn. Sau khi thanh toán số tiền trên cho bị đơn, nguyên đơn có toàn quyền sở hữu đối với căn nhà trên đất.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn cho các bị đơn lưu cư tại phần đất địa chỉ số B, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ trong thời gian 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu 3.000.000đồng (Ba triệu đồng), do nguyên đơn đã nộp tạm ứng vì vậy, bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn 3.000.000đồng (Ba triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Nhựt T, bà Vũ Thị L, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí không có giá ngạch 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng). Nguyên đơn phải chịu án phí 4.626.845đồng (Bốn triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn, tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.477.500đồng (Ba triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000627 ngày 07/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, nguyên đơn phải nộp thêm 1.149.345 đồng (Một triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm bốn mươi

lăm đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí, chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001473 ngày 09/8/2023 tại Chi cục thi hành án quận Ninh Kiều hành phố C đã nộp thành án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 20/2/2024)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND Q Ninh Kiều;
- Chi Cục THADS Q. Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trang